TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh -phúc
Số: 403/2017/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 183/2016/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2016, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vijayendran S/O V (Vijayendran V), sinh năm 1952; địa chỉ: Ja Ya, Selangor, Malaysia.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: 612/3B Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vijayendran S/O V (Vijayendran V), sinh năm 1952; địa chỉ: Ja Ya, Selangor, Malaysia.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Vijayendran S/O V(Vijayendran V) thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 1802 quyển số 09 do Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/1998 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung:

Trẻ Shareen V sinh ngày 29/11/1998 đã thành niên. Ông V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Vijayendran V sinh ngày 08/4/2000. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết.

Bà Lâm Thị Ngọc H không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

c) Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Ngọc H tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2011/02753 ngày 28/4/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà H được trả lại số tiền chênh lệch là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

e) Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND TP.HCM (để ghi chú sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, HS (T/15).

THẨM PHÁN

Châu Thị Điệp